Ngày soạn: 3/9/2024

Ngày dạy: 5/9/2024

Tiết: 1.

## BÀI 1. GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên

- Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực KHTN:**

+ Phân biệt được các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tranh ảnh cho bài dạy, giáo án, máy chiếu (nếu có), bảng phụ.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; đồ vật, tranh ảnh GV yêu cầu

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gắn kết kiến thức, kĩ năng khoa học mà các em được học từ cấp tiểu học và từ cuộc sống với chủ đề bài học mới.

+ Kích thích cho HS suy nghĩ thông qua việc thể hiện bằng cách nêu một số ví dụ về chất, năng lượng, thực vật và động vật của thế giới tự nhiên.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu vấn đề: Nhận thức thế giới tự nhiên xung quanh luôn luôn là khát vọng, là nhu cầu của con người từ cổ xưa cho đến ngày nay. Những hiểu biết về thế giới tự nhiên sẽ giúp cho con người phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời đời sống về cả vật chất và tinh thần.

Thế giới tự nhiên xung quanh ta thật phong phú và da dạng, bao gồm các hiện tượng thiên nhiên, động vật, thực vật... và cả con người.

- GV đặt câu hỏi: *Em hãy lấy một số ví dụ về chất, năng lượng, thực vật và động vật trong thế giới tự nhiên?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi sau 3 phút suy nghĩ.

- GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Thế nào là khoa học tự nhiên**

**a) Mục tiêu:** Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong sgk và thảo luận, trả lời câu hỏi: *Thế nào là khoa học tự nhiên?*- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, quan sát hình 1.1 sgk và nhận xét *những hoạt động nào là hoạt động nghiên cứu khoa học tự nhiên?*- GV yêu cầu HS: *Hãy tìm thêm ví dụ về những hoạt động được coi là nghiên khoa học tự nhiên và hoạt động không phải nghiên cứu khoa học tự nhiên?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và tìm ra câu trả lời.- GV quan sát và hỗ trợ HS trong quá trình HS thảo luận và làm việc nhóm.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV gọi HS trình bày kết quả thảo luận- HS đánh giá nhóm bạn và tự đánh giá cá nhân.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **I. Thế nào là khoa học tự nhiên**- Khoa học tự nhiên nghiên cứu các sự vật, hiện tượng của thế giới tự nhiên và ảnh hưởng của thế giới tự nhiên đến cuộc sống của con người.- Hoạt động nghiên cứu hình 1.1:*a. Tìm hiểu vi khuẩn bằng kính hiển vi**b. Tìm hiểu vũ trụ**g. Lai tạo giống cây trồng mới.* |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được vai trò của KHTN trong cuộc sống

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS quan sát hình 1.2 sgk và trả lời câu hỏi: “*KHTN có vai trò như thế nào trong cuộc sống của con người?”***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và tìm ra câu trả lời. GV quan sát và hỗ trợ HS (nếu cần).**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV gọi HS trình bày kết quả thảo luận- HS đánh giá nhóm bạn và tự đánh giá cá nhân.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **II. Vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống**+ Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người.+ Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế+ Bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người.+ Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức mới vừa học.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra phiếu học tập, yêu cầu HS chia nhóm, thảo luận, đưa ra câu trả lời

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP** **Hãy ghi vào bảng ví dụ về đối tượng nghiên cứu của các lĩnh vực Khoa học tự nhiên?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Đối tượng nghiên cứu*** | ***Vật lí*** | ***Hóa học*** | ***Sinh học*** | ***Thiên văn học*** | ***Khoa học trái đất*** |
| Năng lượng điện |  |  |  |  |  |
| Tế bào |  |  |  |  |  |
| Mặt trăng |  |  |  |  |  |
| Trái Đất |  |  |  |  |  |
| Con người |  |  |  |  |  |
| Âm thanh |  |  |  |  |  |
| Kim loại |  |  |  |  |  |
| Sao chổi |  |  |  |  |  |

 |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hình thành nhóm, phân công nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.

- GV thu phiếu học tập từ các nhóm, gọi 1 số nhóm báo cáo kết quả thực hiện, đại diện nhóm đứng dậy trình bày:

 Các đối tượng nghiên cứu thuộc các lĩnh vực:

+ Năng lượng điện, âm thanh: Vật lí

+ Kim loại: Hóa học

+ Tế bào, con người: Sinh học

+ Mặt trăng, sao chổi: Thiên văn học

+ Trái đất: Khoa học trái đất.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học, biết áp dụng vào cuộc sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi:*Sau khi học xong bài học.*

- HS suy nghĩ, xung phong trả lời câu hỏi

- GV nhận xét, đánh quá quá trình học tập của HS, chốt lại kiến thức bài học.

Ngày soạn: 9/9/2024

Ngày dạy: 11/9/2024

Tiết: 2,3.

## BÀI 2. CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU CỦA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

- Phân biệt được các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt vật sống và vật không sống trong tự nhiên.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực KHTN:**

+ Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt vật sống và vật không sống trong tự nhiên.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Tranh ảnh cho bài dạy, giáo án, máy chiếu (nếu có), bảng phụ.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập; đồ vật, tranh ảnh GV yêu cầu

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gắn kết kiến thức, kĩ năng khoa học mà các em được học từ cấp tiểu học và từ cuộc sống với chủ đề bài học mới.

+ Kích thích cho HS suy nghĩ thông qua việc thể hiện bằng cách nêu một số ví dụ về chất, năng lượng, thực vật và động vật của thế giới tự nhiên.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu vấn đề: Nhận thức thế giới tự nhiên xung quanh luôn luôn là khát vọng, là nhu cầu của con người từ cổ xưa cho đến ngày nay. Những hiểu biết về thế giới tự nhiên sẽ giúp cho con người phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời đời sống về cả vật chất và tinh thần.

Thế giới tự nhiên xung quanh ta thật phong phú và da dạng, bao gồm các hiện tượng thiên nhiên, động vật, thực vật... và cả con người.

- GV đặt câu hỏi: *Em hãy lấy một số ví dụ về vật, thực vật và động vật trong thế giới tự nhiên?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi sau 3 phút suy nghĩ.

- GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên**

**a) Mục tiêu:** Phân biệt được các lĩnh vực của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS quan sát hình 1.3 sgk và trả lời câu hỏi: *Hãy cho biết đối tượng nghiên cứu của từng lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên?*- GV chia lớp thành các nhóm thực hiện nhiệm vụ: *Hãy lấy ví dụ về đối tượng nghiên cứu của các lĩnh vực khoa học tự nhiên, theo gợi ý trong bảng 1.2:***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS quan sát hình ảnh, thảo luận cặp đôi, thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát và hỗ trợ HS (khi cần).**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV gọi đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả thảo luận.- GV gọi HS đánh giá kết quả của nhóm bạn**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá kết luận. | **III. Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên**- Đối tượng nghiên cứu: *Sự vật, hiện tượng của thế giới tự nhiên và ảnh hưởng của thế giới tự nhiên đến con người.*- Các lĩnh vực KHTN:*+ Sinh hoạc nghiên cứu về sinh vật và sự sống trên Trái Đất.**+ Khoa học Trái Đất nghiên cứu về Trái Đất.**+ Vật lí nghiên cứu về vật chất, năng lượng và sự biến đổi của chúng trong tự nhiên.**+ Hóa học nghiên cứu về các chất và sự biến đổi các chất trong tự nhiên.* |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về vật sống và vật không sống**

**a) Mục tiêu:** Phân biệt được vật sống và vật không sống trong khoa học tự nhiên.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*****Nhiệm vụ 1:*** GV cho HS quan sát hình 1.4 và yêu cầu HS thảo luận, trả lời câu hỏi: *Nêu tên những vật sống, vật không sống trong hình trên?****Nhiệm vụ 2:*** - GV yêu cầu HS lấy một số ví dụ về vật sống và vật không sống.- GV cho HS quan sát hình 1.5, trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu những đặc điểm giúp em nhận biết vật sống?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS quan sát hình ảnh, thảo luận cặp đôi, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát và hỗ trợ HS (khi cần).**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV gọi đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả thảo luận- GV gọi HS đánh giá kết quả thảo luận của các bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức cần ghi nhớ. | **IV. Vật sống và vật không sống**Quan sát hình 1.4 ta thấy:*+ Vật sống: con cá, con chim, mầm cây, con sứa**+ Vật không sống: xe đạp, cái cốc, đôi giày.*=> Vật sống mang những đặc điểm của sự sống, vật không sống không mang những đặc điểm của vật sống.- Đặc điểm của vật sống:*+ Thu nhận chất dinh dưỡng cần thiết từ môi trường.**+ Thải bỏ chất thải (khí oxi, phân…)**+ Biết vận động**+ Lớn lên và tăng trưởng**+ Có khả năng sinh sản**+ Cảm ứng**+ Chết đi* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức mới vừa học.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra phiếu học tập, yêu cầu HS chia nhóm, thảo luận, đưa ra câu trả lời

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP****Lập bảng sự khác biệt giữa vật sống và vật không sống thao bảng mẫu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Vật sống** | **Vật không sống** |
| Sinh vật mang những đặc điểm của sự sống. | Vật không mang những đặc điểm của sự sống. |
| ..... | ...... |

 |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hình thành nhóm, phân công nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.

- GV thu phiếu học tập từ các nhóm, gọi 1 số nhóm báo cáo kết quả thực hiện, đại diện nhóm đứng dậy trình bày:

|  |  |
| --- | --- |
| Vật sống | Vật không sống |
| Sinh vật mang những đặc điểm của sự sống. | Vật không mang những đặc điểm của sự sống. |
| Các sinh vật có khả năng sinh sản | Vật không có khả năng sinh sản |
| Để sinh tồn, các sinh vật phụ thuộc vào nước, không khí và thức ăn | Không cần yêu cầu như vậy |
| Nhạy cảm và phản ứng nhanh với các kích thích | Không nhạy cảm và không phản ứng |
| Cơ thể trải qua quá trình sinh trưởng và phát triển | Không sin trưởng và phát triển |
| Sống đến tuổi thọ nhất định sẽ bị chết | Không có khái niệm tuổi thọ |
| Có thể di chuyển | Không thể tự di chuyển |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học, biết áp dụng vào cuộc sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi:*Sau khi học xong bài học, vậy theo các em, chiếc xe máy nhận xăng, thải khói và chuyển động. Vậy xe máy có phải là vật sống không?*

- HS suy nghĩ, xung phong trả lời câu hỏi: *Chiếc xe máy không phải là vật sống vì xe máy không có những đặc điểm sau: sinh sản, cảm ứng và lớn lên và chết.*

- GV nhận xét, đánh quá quá trình học tập của HS, chốt lại kiến thức bài học.

Ngày soạn: 21/9/2024

Ngày dạy: 23/9/2024

Tiết: 4,5,6,7. **BÀI 3. QUI ĐỊNH AN TOÀN TRONG PHÒNG THỰC HÀNH. GIỚI THIỆU MỘT SỐ DỤNG CỤ ĐO – SỬ DỤNG KÍNH LÚP VÀ KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thể tích

- Biết cách sử dụng kính lúp cầm tay và kính hiển vi quang học

- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành

- Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành

- Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn trong phòng thực hành.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực KHTN:** Hình thành, phát triển biểu hiện của các năng lực:

+ Nhận biết và nêu được tên các sự vật, hiện tượng, khái niệm, quy luật, quá trình của tự nhiên.

+ Nhận ra, giải thích các vấn đề thực tiễn dựa trên kiến thức và kĩ năng về KHTN

+ Đề xuất vấn đề, đặt câu hỏi cho vấn đề.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Dụng cụ đo: kính lúp, ống hút nhỏ giọt, bình chia độ, kính hiển vi quang học.., giáo án, máy chiếu (nếu có), bảng phụ.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập, tranh ảnh GV yêu cầu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Khai thác vốn tri thức và kinh nghiệm của HS về “Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng”

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu*: Kể tên những dụng cụ dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.*

*nhiệt độ, thể tích mà em biết.*

- HS phát biểu các ý kiến dựa trên kinh nghiệm bản thân. (GV yêu cầu HS sau không nói trùng ý kiến HS trước).

- GV ghi các ý kiến lên bảng, cho HS tiến hành thảo luận để có được câu trả lời chung.

- GV đặt câu hỏi, kích thích trí tò mò của HS: Dụng cụ đo trong môn KHTN gồm có những dụng cụ nào? Tại sao cần phải thực hiện an toàn trong phòng thực hành KHTN? Để trả lời được câu hỏi chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học sau đây.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu quy trình an toàn và kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành**

**a) Mục tiêu:** Nêu được các quy định an toàn trong phòng thực hành, vẽ, mô tả kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn HS quan sát hình 2.9, 2.10 sgk, yêu cầu HS mô tả nội dung từng hình, sau đó trả lời các hành động trong hình là cần làm hay không được làm khi thực hành.- GV hướng dẫn HS quan sát hình 2.11, yêu cầu các em cho biết các kí hiệu thông báo về chất độc hại có thể có trong phòng thực hành.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS quan sát hình ảnh, chỉ ra những điều nên và không nên làm trong phòng thí nghiệm, đưa ra các kí hiệu thông báo chất độc.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS đứng dậy nêu kết quả thực hiện- GV gọi bạn khác đóng góp ý kiến, bổ sung**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá chốt kiến thức cần ghi nhớ, chuyển sang nội dung mới. | **1. Quy định an toàn trong phòng thực hành**- Việc cần làm: *đeo khẩu trang, đeo kính, rửa tay bằng xà bông….*- Việc không được làm*: làm đổ hóa chất, hít mùi hóa chất, nói chuyện khi thực hành, đổ hóa chất vào bồn rửa tay, chạy nhảy trong phòng thực hành….***2. Kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành:** |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu một số dụng cụ đo trong học tập môn Khoa học tự nhiên**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn KHTN (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích,...).

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS thảo luận: *Những dụng cụ đo nào tất cả HS đều nên biết cách sử dụng?*- GV tổ chức để HS làm việc nhóm với yêu cầu quan sát hình. 3.3 SGK và kể tên các dụng cụ đo chiều dài, khối lượng, thể tích, thời gian và nhiệt độ trong môn KHTN.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS quan sát hình ảnh, lắng nghe GV giới thiệu các dụng cụ đo.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS ghi nội dung chính vào vở.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức cần ghi nhớ.- GV mở rộng kiến thức: *Các nhà khoa học sử dụng các công cụ đặc biệt để thực hiện công việc nghiên cứu khoa học. Họ cần thu thập dữ liệu hoặc thông tin khi họ muốn tìm hiểu về thế giới tự nhiên. Để giải quyết nhu cầu nảy, các nhà khoa học phải ghi dữ liệu một cách chính xác và có tổ chức. Đây là một phần quan trọng của phương pháp khoa học. Các nhà khoa học có thể sử dụng những công cụ ở trong phòng thí nghiệm hoặc Sử dụng công cụ ở bất cứ nơi nào mà họ thực hiện công việc của mình.**Phòng thí nghiệm KHTN phải có các công cụ để đo về chiều dài (khoảng cách), khối lượng, thể tích, thời gian, nhiệt độ. Các phép đo khác nhau, có các tiêu chuẩn đo và dụng cụ đo khác nhau.* | **3. Dụng cụ đo trong môn KHTN**+ Đo chiều dài: thước cuộn, thước kẻ, thước dây+ Đo khối lượng: cân đồng hồ, cân điện tử, cân lò xo, cân y tế.+ Đo thể tích chất lỏng: cốc đong, ống đong, ống pipet…+ Đo thời gian: đồng hồ bấm giấy, đồng hồ treo tường.+ Đo nhiệt độ: nhiệt kế y tế, nhiệt kế rượu, nhiệt kế điện tử… |

**Hoạt động 3: Cách sử dụng một số dụng cụ đo thể tích**

**a) Mục tiêu:** Biết cách sử dụng một số dụng cụ đo thể tích (ống hút nhỏ giọt, bình chia độ). Góp phần hình thành phẩm chất trung thực.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*+ Hãy kể tên những dụng cụ dùng để đo thể tích chất lỏng?**+ Em hãy nêu giới hạn đo, độ chia nhỏ nhất của một bình chia độ?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- GV chốt kiến thức và hướng dẫn HS quy trình đo thể tích của một lượng chất lỏng bằng bình chia độ:*+ Ước lượng thể tích chất lỏng cần đo.**+ Lựa chọn bình chia độ có GHĐ và ĐCNN thích hợp.**+ Để chất lỏng vào bình chia độ, đặt bình chia độ thắng đứng.**+ Đặt mắt nhìn ngang với độ cao mực chất lỏng trong bình.**+ Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia gần với mực chất lỏng.* - GV hướng dẫn HS cách dùng ống hút nhỏ giọt để lấy một lượng chất lỏng và cho HS thảo luận câu hỏi: *Khi đo thể tích chất lỏng bằng bình chia độ, nếu đặt bình chia độ không thẳng thì ảnh hưởng như thế nào đến kết quả đo?***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS quan sát quá trình thực hiện của GV, trả lời câu hỏi của GV đưa ra.- GV gọi 2 bạn HS có năng lực lên và hướng dẫn các bạn thực hiện, HS khác quan sát.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV chốt lại kiến thức HS cần ghi nhớ. | **4. Cách sử dụng một số dụng cụ đo thể tích**- Dụng cụ đo thể tích chất lỏng là: bình chia độ, ống pipet (cốc đong, chai, lo, bơm tiêm có ghi sẵn dung tích).- Giới hạn đo (GHĐ) của một bình chia độ là thể tích lớn nhất ghi trên bình.- Độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của bình chia độ là thể tích giữa hai vạch chia liên tiếptrên bình. |

**Hoạt động 4. Tìm hiểu cách sử dụng kính lúp cầm tay**

**a) Mục tiêu:** Quan sát được mẫu vật bằng kính lúp cầm tay. Góp phần hình thành phẩm chất trung thực, phát triển năng lực giải thích vấn đề thực tiễn dựa trên kiến thức.

**b )Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS quan sát các bộ phận của kính lúp- GV hướng dẫn cách sử dụng:- Sau khi hướng dẫn, GV tổ chức giao nhiệm vụ cho từng HS:*+ Hãy quan sát một con kiến hoặc đường vân tay trên một ngón tay hoặc hình huy hiệu Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.**+ Hãy ước lượng đường kính một sợi tóc của em là bao nhiêu?*- Từ kết quả quan sát, ước lượng, GV cho HS thảo luận:*+ Thiết bị nào giúp em quan sát những hình ảnh trên dễ dàng hơn?**+ Làm thế nào để đo được đường kính một sợi tóc của em?*- GV cho HS: *Quan sát gân lá cây bằng kính lúp cầm tay như hướng dẫn, yêu cầu HS vẽ hình gân lá cây đã quan sát được.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS hoạt động theo nhóm 3 – 4 người, cùng quan sát, thực hành theo các yêu cầu của GV.- GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trưng bày sản phẩm thu được sau khi quan sát và vẽ gân lá cây.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV cho các nhóm nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của HS. | **5 Tìm hiểu cách sử dụng kính lúp cầm tay*****\*Cấu tạo:***+ Tay cầm bằng kim loại hoặc nhựa.+ Một tấm kính trong, hai mặt lồi.+ Khung kính bằng kim loại hoặc nhựa.***\*Cách sử dụng kính lúp:***+ Dùng tay thuận cầm kính lúp+ Để mặt kính sát mẫu vật, mắt nhìn vào mặt kính.+ Di chuyển kính lên cho đến khi nhìn rõ vật. |

**Hoạt động 5: Tìm hiểu cách sử dụng kính hiển vi quang học**

**a) Mục tiêu:** Biết cách sử dụng kính hiển vi quang học. Hình thành phẩm chất trung thực, phát triển năng lực giải thích vấn đề thực tiễn dựa trên kiến thức.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm tìm hiểu:*+ cấu trúc của kính hiển vi, ghi chú thích từng bộ phận**+ cách sử dụng kính hiển vi**+ cách bảo quản kính hiển vi.*- GV làm mẫu rồi cho HS thực hành quan sát tiêu bản bằng kính hiển vi quang học.- GV cho HS quan sát ở vật kính: x10, x40 (không cần dầu soi kính).**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS hoạt động theo nhóm 3 – 4 người, cùng quan sát, thực hành theo các yêu cầu của GV.- GV dành thời gian quan sát, hướng dẫn tỉ mỉ giúp HS thực hiện.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trưng bày sản phẩm thu được sau khi quan sát và vẽ gân lá cây.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV cho các nhóm nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của HS. | **6. Cách sử dụng kính hiển vi quang học****Cấu tạo:** Kính hiển vi gồm có 4 hệ thống:- Hệ thống giá đỡ gồm: bệ, thân, mâm gắn vật kính, bàn để tiêu bản, kẹp tiêu bản.- Hệ thống phóng đại: thị kính và vật kính.- Hệ thống chiếu sáng: gương, màn chắn, tụ quang.- Hệ thống điều chỉnh: núm chỉnh thô, núm chỉnh tinh, núm điều chỉnh tụ quang lên xuống…**\*Cách sử dụng: (sgk)****\* Cách bảo quản:**- Sử dụng đúng quy trình- Đặt kính nơi khô thoáng, cất vào hộp có gói hút ẩm.- Lau giá đỡ, lau vật kính bằng giấy mềm chuyên dụng có tẩm cồn.- Bảo dưỡng, mở kính lau hệ thống chiếu sáng định kì. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố khắc sâu kiến thức bài học và phát triển kĩ năng

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS hoạt động nhóm theo bàn, hoàn thành phiếu học tập:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP****Câu 1: Điền thông tin đã học vào “Bảng các dụng cụ đo” sau đây:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên dụng cụ đo | Đại lượng đo |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |

**Câu 2: Hãy dùng bình chia độ, ca đong để đo thể tích chất lỏng. Đo ba lần và ghi kết quả đo vào bảng:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chất lỏng cần đo | Thể tích ước lượng (lít) | Dụng cụ đo | Lần đo | Thể tích đo được | Kết quả trung bình |
| GHĐ | ĐCNN |
|  |  |  |  | 1 |  |  |
|  |  |  |  | 2 |  |
|  |  |  |  | 3 |  |
|  |  |  |  | 1 |  |  |
|  |  |  |  | 2 |  |
|  |  |  |  | 3 |  |

 |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hình thành nhóm, phân công nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.

- GV thu phiếu học tập từ các nhóm, nhận xét quá trình thực hiện của các nhóm.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức, kĩ năng trong bài học

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS về nhà trả lời câu hỏi:

*Câu 1: Hãy ghi chú thích các bộ phận của kính hiển vi quang học trong hình*

*Câu 2: Làm bảng “Nội quy an toàn phòng thực hành” (HS có thể bổ sung thêm các quy định khác nếu có).*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành yêu cầu GV đưa ra.

- GV nhận xét, đánh quá quá trình học tập của HS, chốt lại

# Ngày soạn : 19/10/2024 CHỦ ĐỀ 2: CÁC THỂ CỦA CHẤT

**Ngày dạy** : 21/10/2024 Thời gian thực hiện: 4 tiết

#  Bài 8: SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC THỂ CƠ BẢN CỦA CHẤT.

**Tiết 8,9,10 TÍNH CHẤT CỦA CHẤT.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nêu được sự đa dạng của chất;

- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể rắn, lỏng, khí thông qua quan sát;

- Đưa ra được ví dụ vế một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất,

- Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học);

- Nêu được các khái niệm vế sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc;

- Tiến hành được thí nghiệm vế sự chuyển thể của chất;

- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, sôi, bay hơi, đông đặc, ngưng tụ.

**2. Về năng lực**

**a) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu về sự đa dạng của chất trong cuộc sống và tính chất của chất;

- Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về tính chất của chất, các quá trình chuyển đổi thể của chất; hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cẩu của GV, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**b) Năng lực chuyên biệt**

- Nhận thức khoa học tự nhiên:

+ Nêu được sự đa dạng của chất (chất có xung quanh ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh, ...);

+ Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (trạng thái) của chất (rắn, lỏng, khí) thông qua quan sát;

+ Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học);

+ Nêu được các khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc; - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, sôi, bay hơi, đông đặc, ngưng tụ.

- Tìm hiểu tự nhiên: Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể của chất;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.

**3. Về phẩm chất**

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân;

- Cẩn thận, trung thực và thực hiện an toàn trong quá trình làm thực hành;

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Các hình ảnh theo sách giáo khoa từ 9.1 đến 9.17;

- Dụng cụ và hóa chất cho các thí nghiệm;

- Máy chiếu.

**Phiếu học tập số 1 :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên chất** | **Trạng thái** | **Kết luận** |
| (1) muối ăn(2) nước uống(3) nước hoa | …………….....................…………….....................……………..................... | …………….....................…………….....................……………..................... |

 **Phiếu học tập số 2 :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vật thể tự nhiên | Vật thể nhân tạo | **Chất** |
| …………….....................…………….....................……………..................... | …………….....................…………….....................……………..................... | …………….....................…………….....................……………..................... |

**Sơ đồ** graph hoạt động 2:



Bảng 8.1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chất | Thể | Đặc điểm | Có hình dạng xác định không? | Có thể nén không? |
| Nước đá |  |  |  |  |
| Nước lỏng |  |  |  |  |
| Hơi nước |  |  |  |  |

**Phiếu học tập số 3 :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chất** | Thể | Màu sắc | **Kết luận** |
| Than đá |  |  |  |
| Dẩu ăn |  |  |
| Hơi nước |  |  |

**Sơ đồ** graph hoạt động 7



**Bảng ghép luyện tập : (Ghép cột 1 và 2 cho phù hợp )**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột 1** | **Cột 2** |
| 1. Nấu chảy kim loại | a. Từ thể lỏng chuyển sang khí |
| 2. Mây bay trên trời | b. Từ thể rắn chuyển sang lỏng |
| 3. Nước đá tan chảy | c. Từ thể khí chuyển sang rắn |
| 4. Tuyết rơi | d. Từ thể rắn chuyển sang lỏng |
| 5. Băng tan | e. Từ thể khí chuyển sang lỏng |
| 6. Sương đọng trên lá cây | f. Từ thể rắn chuyển sang lỏng |
|  | g. Từ thể rắn chuyển sang khí |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC**

Hoạt động 1: Chơi trò chơi “ Quan sát nhanh – trả lời nhanh ”

**a) Mục tiêu:**Tạo được hứng thú cho học sinh về sự đa dạng và các thể của chất.

**b) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Thông báo luật chơi:** HS quan sát mẫu các chất, trả lời theo nhóm vào phiếu học tập. Nhóm nào hoàn thành và trả lời đúng nhanh nhất sẽ được thưởng. | Ghi nhớ luật chơi |
| **Giao nhiệm vụ**- Quan sát mẫu các chất và đưa ra kết luận về trạng thái của chất. - Đưa ra kết luận chất tồn tại ở các thể nào.- Hoàn thành chậm nhất trong 3 phút. | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ** **-** GV gợi ý khi cần thiết- Thu phiếu học tập các nhóm | - Thực hiện nhiệm vụ phiếu học tập số 1- Nộp phiếu học tập |
| **Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:** HS đưa ra kết luận về trạng thái của chất. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu vấn đề này. | Chuẩn bị sách vở cho bài mới. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2:** Tìm hiểu sự đa dạng của chất

**a) Mục tiêu:** HS nêu được sự đa dạng của chất và vật thể xung quanh ta

**b) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ**- HS quan sát hình 8.1 trên màn hình theo nhóm một cách tổng quát đến chi tiết để liệt kê được càng nhiều vật thể có trong hình càng tốt trong 5 phút;- Phân biệt vật thể tự nhiên và nhân tạo. | Nhận nhiệm vụ. |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**- GV gợi ý khi cần thiết;- Thu phiếu học tập các nhóm | Thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ. |
| **Báo cáo kết quả**- Chọn 1 nhóm trình bày kết quả;- Mời các nhóm khác nhận xét;- GV nhận xét sau khi các nhóm khác bổ sung. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả phiếu học tập;- Các nhóm khác nhận xét trình bày của nhóm bạn. |
| **Tổng kết**- Dựa vào phiếu học tập và kết hợp với **sơ đồ** graph kết luận về vật thể tự nhiên, nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh;- GV sử dụng giấy dán (sticker) cho các em dán vào các nhóm vật thể được GV ghi trên bảng;- Yêu cầu HS chốt lại về kết luận. | - Kết luận về vật thể tự nhiên, nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh;- Ghi kết luận vào vở. |

**Hoạt động 3:** Tìm hiểu các thể cơ bản của chất

a) Mục tiêu: HS nhận biết được thể (trạng thái) của nước (nước đá - rắn, nước lỏng - lỏng, hơi nước - khí), hình dạng của nước ở các thể khác nhau. Qua đó sẽ nhận thức

**b) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:** HS quan sát hình 8.2,8.3 trên màn hình theo nhóm hoàn thành bảng 8.1. | Nhận nhiệm vụ. |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**- GV gợi ý khi cần thiết;- Thu kết quả học tập các nhóm. | Thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ. |
| **Báo cáo kết quả**- Chọn 1 nhóm trình bày kết quả;- Mời các nhóm khác nhận xét;- GV nhận xét sau khi các nhóm khác bổ sung. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả phiếu học tập- Các nhóm khác nhận xét trình bày của nhóm bạn |
| **Tổng kết**- Dựa vào kết quả học tập và kết hợp với chiếu mô hình các thể của chất lên màn hình, hướng dẫn HS quan sát và yêu cẩu HS trả lời theo các nội dung: mối liên kết giữa các hạt, khối lượng, hình dạng và thể tích, khả năng bị nén. Sau đó GV tổng hợp lại thành bảng như SGK để giúp HS ghi nhớ các dấu hiệu đặc trưng để phân biệt các thể của chất.- Yêu cầu HS chốt lại về kết luận. | - Kết luận về đặc điểm cơ bản 3 thể của chất;- Ghi kết luận vào vở. |

**Hoạt động 4:** Nhận xét đặc điểm của chất

a) Mục tiêu: xác định được một số tính chất của các chất.

**b) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| Giao nhiệm vụ: Các nhóm quan sát hình 8.4, 8.5 và 8.6 trên màn hình phóng to, thảo luận trả lời câu hỏi thảo luận | Nhận nhiệm vụ. |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**- GV gợi ý khi cần thiết;- Thu phiếu học tập các nhóm | Thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ. |
| **Báo cáo kết quả**- Chọn 1 nhóm trình bày kết quả;- Mời các nhóm khác nhận xét;- GV nhận xét sau khi các nhóm khác bổ sung. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả phiếu học tập;- Các nhóm khác nhận xét trình bày của nhóm bạn. |
| Tổng kết: GV kết luận những gì các em nhìn thấy trong hình 8.4, 8.5 và 8.6 là các ví dụ về các thể rắn, thể lỏng, thể khí của chất. Mỗi chất có thể tổn tại ở các thể khác nhau và có tính chất khác nhau. |  |

**Hoạt động 5:** Tìm hiểu một số tính chất của chất

**a) Mục tiêu:** Từ thí nghiệm trực quan HS rút ra được một số tính chất của chất.

**b) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:** HS tự tiến hành thí nghiệm 1,2, 3 theo nhóm, rút ra được một số tính chất của chất. | Nhận nhiệm vụ. |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**GV hướng dẫn HS tiến hành các thí nghiệm theo các bước:* - Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất;
* - Cách tiến hành thí nghiệm;
* - Cách quan sát quá trình thí nghiệm;
* - Cách ghi chép kết quả thí nghiệm.

- GV hướng dẫn HS thảo luận các nội dung 8 đến 12 trong SGK. | Làm thí nghiệm, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ. |
| **Báo cáo kết quả**- Chọn 4 nhóm trình bày kết quả;- Mời các nhóm khác nhận xét;- GV nhận xét sau khi các nhóm khác bổ sung. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả phiếu học tập;- Các nhóm khác nhận xét trình bày của nhóm bạn. |
| Tổng kết: GV sử dụng kĩ thuật sơ đồ tư duy trong dạy học, chiếu sơ đồ biểu diễn các tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất giúp HS ghi nhớ và phân biệt chúng. Yêu cầu HS chốt lại về kết luận. | **-** **Kết luận về tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất;** **-** **Ghi kết luận vào vở.** |

**Hoạt động 6:** Quan sát một số hiện tượng

a) Mục tiêu: Từ việc quan sát các hình 8.11 đến 8.14 trong SGK, HS nhận biết được quá trình chuyển đổi thể của các chất.

**b) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:** Các nhóm quan sát hình 8.11, 8.12, 8.13 và 8.14 trên màn hình phóng to, thảo luận trả lời câu hỏi thảo luận. | Nhận nhiệm vụ. |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**- GV gợi ý khi cần thiết;- Thu phiếu học tập các nhóm. | Thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ. |
| Báo cáo kết quả: - Chọn 1 nhóm trình bày kết quả;- Mời các nhóm khác nhận xét;- GV nhận xét sau khi các nhóm khác bổ sung. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả phiếu học tập;- Các nhóm khác nhận xét trình bày của nhóm bạn. |
| **Tổng kết:** GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý SGK. | Ghi kết luận vào vở. |

**Hoạt động 7**: Thực hành chuyển đổi thể của chất

**a) Mục tiêu:** Từ thí nghiệm trực quan HSrút ra được khái niệm các quá trình biến đổi thể của chất.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:** HS tự tiến hành thí nghiệm 1,2, 3 theo nhóm, rút ra được một số tính chất của chất. | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**- GV hướng dẫn HS tiến hành các thí nghiệm theo các bước;* - Hướng dẫn HS chuẩn bị dụng cụ, hoá chất;
* - Hướng dẫn HS cách tiến hành thí nghiệm;
* - Hướng dẫn HS cách quan sát quá trình thí nghiệm;
* - Hướng dẫn HS cách ghi chép kết quả thí nghiệm;

- GV hướng dẫn HS thảo luận câu hỏi 17 trong SGK. | Làm thí nghiệm, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ. |
| **Báo cáo kết quả**- Chọn 2 nhóm trình bày kết quả;- Mời các nhóm khác nhận xét;- GV nhận xét sau khi các nhóm khác bổ sung. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả phiếu học tập;- Các nhóm khác nhận xét trình bày của nhóm bạn. |
| Tổng kết- GV sử dụng kĩ thuật graph trong dạy học, chiếu sơ đồ sau lên màn hình và yêu cầu HS điền các quá trình chuyển hoá tương ứng giữa trạng thái của các chất theo các gợi ý cho sẵn. Sơ đổ này giúp HS ghi nhớ và phân biệt được các quá trình biến đổi thể của chất.- Yêu cầu HS chốt lại về kết luận. | **Kết luận về các quá trình biến đổi thể của chất.****Ghi kết luận vào vở.** |

**Hoạt động 8:** **Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi củng cố

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:** HS quan sát bảng ghép trên màn hình và thực hiện trong 2 phút . | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:** GV gợi ý khi cần thiết. | Tư duy độc lập và thực hiện nhiệm vụ |
| **Báo cáo kết quả:** Mời HS giơ tay nhanh nhất trình bày. | - HS hoàn thành nhanh nhất trình bày;- HS còn lại nhận xét bổ sung. |
| **Tổng kết:** GV nhận xét và kết luận. |  |

**Hoạt động 9:** **Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi thực tế trang 42 SGK.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:** Trả lời câu hỏi: Vào những ngày trời nồm (không khí chứa nhiều hơi nước, độ ẩm cao), sự chênh lệch nhiệt độ giữa nền nhà và lớp không khí bao quanh khiến hơi nước trong không khí bị ngưng tụ tạo thành những hạt nước nhỏ gây ẩm ướt cho nền nhà. Để giảm thiểu hiện tượng này, chúng ta nên đóng kín cửa, hạn chế không khí ẩm vào nhà. Em hãy giải thích tại sao làm như vậy? | HS nhận nhiệm vụ. |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết. | Thực hiện nhiệm vụ ở nhà. |
| **Báo cáo kết quả:** Tiết học sau nạp lại cho GV. |  |

**C. DẶN DÒ**

- HS về nhà học bài, làm bài tập SGK;

- Chuẩn bị bài tiếp theo: đọc bài trước ở nhà.

**D. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN**

GV kiểm tra, đánh gia thông qua phiếu học tập số 1 và số 2.

# Ngày soạn : 16/11/2024 ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 2

**Ngày dạy** : 18/11/2024 **Thời lượng: 01 Tiết**

Tiết: 11.

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Hệ thống hoá được kiến thức về sự đa dạng và các thể cơ bản của chất, tính chất của chất.

**2. Về năng lực**

**a) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập;

- Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được cách giải bài tập hợp lí và sáng tạo.

**b) Năng lực chuyên biệt**

Hệ thống hoá được kiến thức vể chất, các thể cơ bản của chất, vật thể.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học;

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, kiên nhẫn thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, bảng nhóm;

- Phiếu học tập, thang đo.

**PHIẾU HỌC TẬP VÒNG 1**

Câu 1: Hiện tượng mặt kính trong ô tô bị mờ khi đi trời mưa là hiện tượng phổ biến, nhất là với một nước có khí hậu nhiệt đới như Việt Nam. Khi đó, tầm quan sát của người lái sẽ bị giảm đi đáng kể dẫn đến nguy cơ mất an toàn khi lái xe.

Theo em chất gì đã bám lên mặt kính trong ô tô làm mờ kính?

A. Carbon dioxide. B. Hơi nước. C Không khí.

Làm thế nào để khắc phục hiện tượng kính ô tô bị mờ?

A. Lau kính thường xuyên. B. Cân bằng nhiệt độ trong và ngoài xe.

C. Đóng kín cửa xe. D. Tăng nhiệt độ trong xe.

**PHIẾU HỌC TẬP VÒNG 2**

(Chiếu các câu hỏi lên màn hình để học sinh tranh quyền trả lời)

1.Quá trình nào sau đây không thể hiện tính chất hoá học của chất?

A.Rượu để lâu trong không khí bị chua.

B.Sắt để lâu trong môi trường không khí bị gỉ. c. Nước để lâu trong không khí bị biến mất.

D. Đun dầu ăn trên chảo quá nóng sinh ra chất có mùi khét.

2.Tính chất nào sau đây không phải tính chất vật lí của cồn (ethanol)?

A.Là chất lỏng, không màu.

B.Có thể hoà tan được một số chất khác.

C.Tan nhiều trong nước.

D.Cháy được trong oxygen sinh ra khí carbon dioxide và nước.

3.Với cùng một chất, nhiệt độ nóng chảy cũng chính là:

A. Nhiệt độ sôi. B. Nhiệt độ đông đặc.

c. Nhiệt độ hoá hơi. D. Nhiệt độ ngưng tụ.

4.Trường hợp nào sau đây không phải là sự ngưng tụ?

A.Nước đọng trên lá cây vào buổi sáng sớm.

B.Nước bám bên ngoài tủ lạnh khi độ ẩm cao.

C.Nước đọng từng giọt trên lá cây sau khi tưới cây.

D. Nước bám dưới nắp nồi khi nấu canh.

5.Hiện tượng nào sau đây không phải là sự nóng chảy?

A.Mỡ lợn tan ra khi đun nóng.

B.Thiếc hàn tan ra khi đưa máy hàn có nhiệt độ cao vào.

C. Cho viên đá vôi (calcium carbonate) vào dung dịch hydrochloric acid thì nó bị tan dẩn ra.

D. Cho nhựa thông vào bát sứ nung nóng, nó tan ra thành chất lỏng màu cánh gián.

**PHIẾU HỌC TẬP VÒNG 3**

Bạn Minh nghiên cứu sự thay đổi thể của nước theo nhiệt độ và bạn đã ghi lại số liệu bằng đồ thị dưới đây, dựa vào đồ thị em hãy trả lời các câu hỏi sau:

ở điểm nào nước bắt đầu nóng chảy? Ở điểm nào nước bắt đẩu sôi?

Đoạn BC xảy ra quá trình biến đổi nào của nước?

Nêu các thể tổn tại của nước trong đoạn CG.

Tại điểm H nước tồn tại ở thể nào?



**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vẽ sơ đồ tư duy**

**Mục tiêu:** hệ thống hóa những kiến thức đã học về chất tinh khiết, hỗn hợp và một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp cho học sinh.

**Nội dung:** GV định hướng cho HS hệ thống hoá được kiến thức về chất tinh khiết, hỗn hợp và dung dịch.

**Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy hoàn thiện

**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu sơ đồ tư duy bị khuyết chữ để học sinh hoàn thiện nội dung | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm như trò chơi trước, các nhóm có 3 phút để chỉnh sửa lại sơ đồ tư duy của mình và 2 phút để trình bày ý tưởng và 5 phút để phản biện, nhận xét các nhóm khác. Nhóm nào thắng trong trò chơi trước sẽ được quyền quyết định thứ tự nhóm nào lên trình bàyHướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy để tổng kết những kiến thức cơ bản của chủ đề | Các nhóm tiến hành vẽ sơ đồ tư duy. |
| **Báo cáo kết quả:** Các nhóm lên trình bày sơ đồ tuy duy của mìnhMời các nhóm khác nhận xét- Giáo viên nhận xét sau khi các nhóm khác đã có ý kiến bổ sung | -Nhóm được chọn lên trình bày ý tưởng -Các nhóm khác nhận xét phần trình bày của nhóm bạn |
| **Tổng kết:** Tổng hợp lại kiến thức từ sơ đồ tư duy của các em | -Vẽ sơ đồ tư duy vào vở |

**B. BÀI TẬP**

**Hoạt động 2:** **Hướng dẫn giải bài tập**

**Mục tiêu:** Định hướng cho HS giải một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên cho cả chủ đề.

**Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS giải bài tập trong SGK.

**Sản phẩm:** Hoàn thành bài tập SKG, phiếu học tập 1, 2, 3.

**Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Giao nhiệm vụ:** GVchia lớp thành các nhóm. Phổ biến luật chơi “cuộc đua kì thú”, có 3 vòng chơi: | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:** **Vòng 1:** GV trình chiếu câu hỏi, trong 1 phút các nhóm phải hoàn thành câu trả lời vào bảng chính. Nhóm hoàn thành nhanh và chính xác nhất được 20 điểm, các nhóm còn lại được 15, 10, 5 điểm**Vòng 2:** GV chiếu các câu hỏi lên màn hình.Có 4 câu hỏi với 4 phương án A, B, C, D. GV đọc câu hỏi, các nhóm giành quyền trả lời. Với mỗi phương án đúng, nhóm mang về cho mình 10 điểm.**Vòng 3:** GV đưa ra câu hỏi, các nhóm thảo luận đưa ra đáp án, đội nào có câu trả lời nhanh và chính xác nhất được 20 điểm, các đội còn lại lần lượt là 15, 10, 5 điểm | Lắng nghe, ghi nhớ. |
| **Báo cáo kết quả:** -Các nhóm lần lượt giơ bảng-GV chọn 1 nhóm trình bày câu trả lời- Giáo viên nhận xét sau khi các nhóm khác đã có ý kiến bổ sung | -Một nhóm trình bày câu trả lời- Các nhóm khác nhận xét câu trả lời của nhóm bạn |
| **Tổng kết:** Giáo viên đưa ra câu trả lời đúng nhất và cho điểm các nhóm | HS lắng nghe so sánh với câu trả lời của mình. |

C. DẶN DÒ

Ôn tập, hoàn thành các bài tập chủ đề 2.

Đọc, chuẩn bị chủ đề 3: “oxygen và không khí”.

**D. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN**

Gv quan sát , Thang đo về hoạt động nhóm.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung quan sát | Hoàn toàn đồng ý | Đồng ý | Phân vân | Không đồng ý | Hoàn toàn không đồng ý |
| Thảo luận sôi nổi |  |  |  |  |  |
| Các HS trong nhóm đều tham gia hoạt động |  |  |  |  |  |
| Kết quả sản phẩm tốt |  |  |  |  |  |